TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **276/**2019/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 21 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 168/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm H, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm H, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2019

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T. và anh Đỗ Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Giao cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 3/8/2016 cho Chị Trần Thị T. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn.

Anh Đỗ Văn N. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở

- **Về tài sản chung**: Chị Trần Thị T. và anh Đỗ Văn N. cùng xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về vay nợ chung**: Chị Trần Thị T. và anh Đỗ Văn N. cùng xác định không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về án phí**: Chị Trần Thị T. tự nguyện nhận nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000438, ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho Chị T. số tiền chênh lệch 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Đỗ Văn N. không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Chi cục THA.DS TP Tuyên Quang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến